

Xu hướng vĩ mô

Kinh tế Việt Nam trên đà lao dốc

Hoạt động thương mại gặp thách thức

Hoạt động thương mại giảm tốc trong tháng 8 khi bị ảnh hưởng bởi đại dịch, đặc biệt xuất hiện các lo ngại về chuỗi sản xuất - logistics ở phía Nam. Các ngành sản xuất – xuất khẩu thâm dụng lao động như dệt may, giày da, và thủy sản đang bị tác động nặng nề nhất, và ảnh hưởng có thể kéo dài trong tương lai. Thêm vào đó, đà tăng trưởng chậm lại trên toàn cầu và các vấn đề bất ổn tại Trung Quốc cũng không có lợi cho triển vọng xuất khẩu. Có thể thấy, hoạt động thương mại sẽ gặp nhiều thách thức trong giai đoạn sắp tới.

CPI đối mặt áp lực giảm

Giá cả lương thực & thực phẩm leo thang tiếp tục áp lực lên CPI trong tháng 8, phần lớn là do các vấn đề từ chuỗi cung ứng – logistics và nhu cầu hàng thiết yếu tăng mạnh trong đại dịch. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng các vấn đề này sẽ dần được cải thiện, và đà tăng giá nhóm lương thực & thực phẩm sẽ đảo ngược trong các tháng tới. Chúng tôi dự báo CPI sẽ giảm 0.20% t/t trong tháng 9.

Đà giảm sâu tiếp tục gia tăng khu vực sản xuất

Những hạn chế giãn cách xã hội hiện tại đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất công nghiệp trong tháng, đảo ngược đà tăng trưởng kéo dài hơn cả năm. Triển vọng sản xuất công nghiệp trong các tháng còn lại 2021 sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc nới lỏng giãn cách xã hội cũng như các gói hỗ trợ từ chính phủ, đặc biệt là nới lỏng yêu cầu “3 tại chỗ” trong sản xuất. Theo quan điểm của chúng tôi, điều kiện sản xuất sẽ tiếp tục xấu đi trong tháng 9, và có thể kết quả khu vực công nghiệp trong 3Q21 sẽ xấu nhất trong nhiều năm.

Chỉ số vĩ mô

	3Q20	4Q20	1Q21	2Q21	2019	2020	2021F
GDP	2.62	4.48	4.48	6.61	7.02	2.91	5.94
Cán cân thương mại	10.72	3.29	2.82	(3.75)	10.42	19.01	1.77
CPI	3.18	1.38	0.30	2.67	5.23	3.24	2.41
Lãi suất chiết khấu	3.00	3.00	3.00	3.00	4.00	3.00	3.00
VND/USD	23,188	23,252	23,076	23,020	23,231	23,255	23,246
GDP Mỹ	NA	7.90	NA	NA	2.3	(5.70)	3.90
GDP Trung Quốc	NA	6.00	NA	NA	6.10	1.80	8.00

Nguồn: KIS

Nội dung

I. Hoạt động thương mại gặp thách thức	1
II. CPI đối mặt áp lực giảm	4
III. Ngành bán lẻ lao dốc về mức thấp nhất 2021.....	7
IV. Đà giảm sâu tiếp tục gia tăng khu vực sản xuất.....	9
V. FDI đối mặt nhiều thách thức trong dài hạn.....	16
Bảng điểm vĩ mô	20

Ý Nguyễn

y.nt@kisvn.vn

Tuấn Đoàn

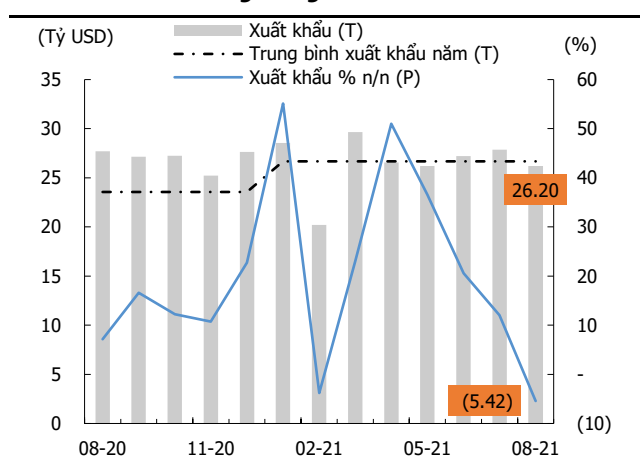
tuan.doan@kisvn.vn

I. Hoạt động thương mại gặp thách thức

Đà tăng trưởng thương mại chậm lại

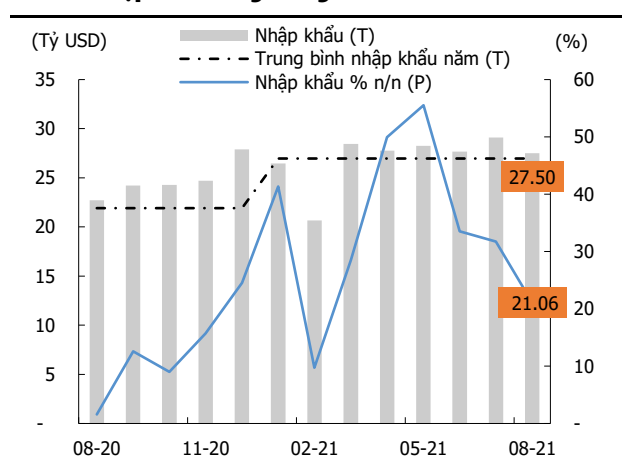
Số liệu thương mại theo ước tính của GSO trong tháng 8 cho thấy hoạt động thương mại đang bị ảnh hưởng nặng nề trong đợt dịch COVID-19 lần này, bắt nguồn chính từ việc lĩnh vực sản xuất gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn giãn cách xã hội. Cụ thể, giá trị xuất khẩu trong tháng 8 ghi nhận ở mức thấp hơn trung bình 7 tháng đầu năm, chỉ đạt 26.2 tỷ USD, và cũng giảm so với cùng kỳ năm ngoái, giảm 5.42% n/n. Trong khi đó, khu vực nhập khẩu ít gặp ảnh hưởng hơn, mặc dù tăng trưởng cũng có phần chậm lại so với giai đoạn gần đây, đạt 27.5 tỷ USD và tăng 21.06% n/n.

Hình 1. Xuất khẩu hàng tháng



Nguồn: KIS, GSO

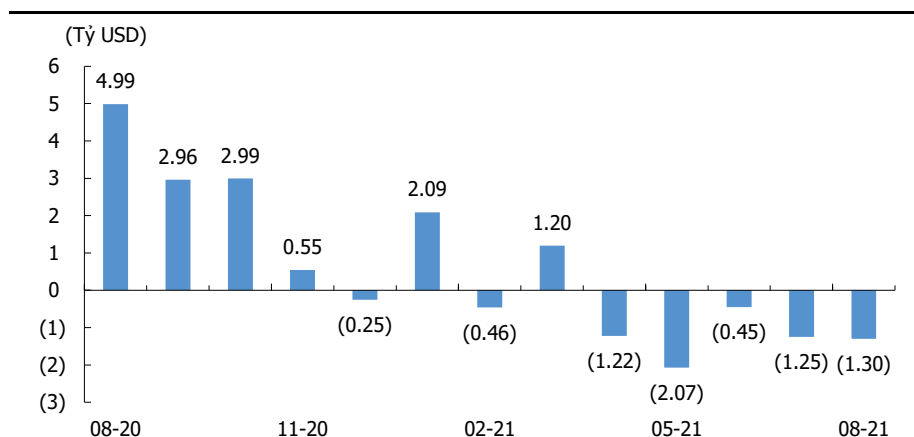
Hình 2. Nhập khẩu hàng tháng



Nguồn: KIS, GSO

Bên cạnh các khó khăn về sản xuất ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu, một số yếu tố vĩ mô toàn cầu cũng gặp vấn đề ở thời điểm hiện tại. Các đối tác thương mại lớn trong khu vực Châu Á, bao gồm thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, và các quốc gia khác, đang đối mặt với đại dịch chủng Delta, và nhu cầu nhập khẩu ở các thị trường trên cũng có xu hướng giảm. Bên cạnh đó, việc tình trạng logistics bị ùn tắc ở các cảng biển phía Nam cũng góp phần làm xuất khẩu chậm hơn. Tính trong 8 tháng đầu năm, xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt đạt 212.55 tỷ USD và 216.27 tỷ USD, tăng 21.20% n/n và 33.76% n/n. Bên cạnh đó, cán cân thương mại ghi nhận mức thâm hụt đáng kể 3.74 tỷ USD, với đà thâm hụt đang kéo dài 5 tháng liên tục.

Hình 3. Cán cân thương mại hàng tháng



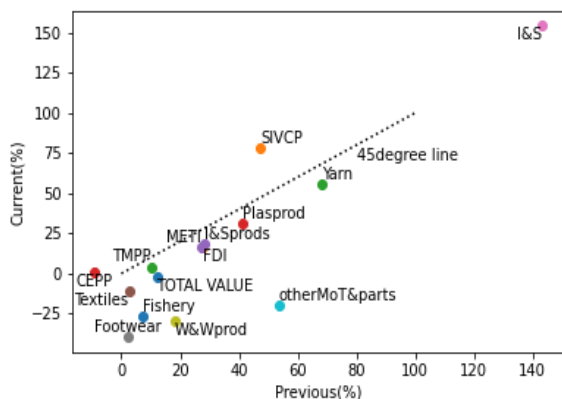
Nguồn: KIS, GSO

Xét theo cơ cấu xuất khẩu, đa số sản phẩm xuất khẩu chính đều tăng trưởng chậm lại so với các tháng gần trước, trong khi khu vực sản xuất – xuất khẩu thâm dụng lao động như dệt may, giày da, và gỗ & sản phẩm gỗ đang giảm rất mạnh do sản xuất bị đình trệ. Cụ thể, xuất khẩu giày da, gỗ & sản phẩm gỗ, và dệt may lần lượt đạt chỉ 0.85 tỷ USD, 0.85 tỷ USD, và 2.70 tỷ USD, giảm mạnh 38.40% n/n, 26.05% n/n, và 8.97% n/n so với cùng kỳ.

Ở phía ngược lại, xuất khẩu các mặt hàng máy móc thiết bị (METI), điện thoại và linh kiện (TMPP) đạt 2.90 tỷ USD và 4.72 tỷ USD, tăng tương đối 11.61% n/n và 10.33% n/n. Ấn tượng nhất trong ngành xuất khẩu là lĩnh vực sắt & thép, khi tổng xuất khẩu nhóm ngành này đạt mức cao kỷ lục 1.20 tỷ USD, tăng mạnh 107.26% n/n.

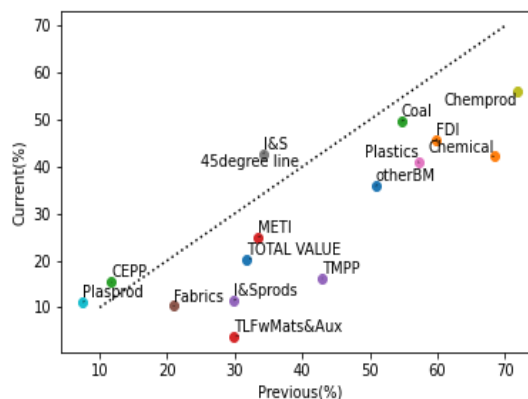
Trong khi đó, nhập khẩu các mặt hàng máy tính và linh kiện (CEPP), METI, và TMPP vẫn duy trì ở mức cao, lần lượt đạt 6.30 tỷ USD, 4.00 tỷ USD, và 1.80 tỷ USD, tăng 4.49% n/n, 25.03% n/n, và 11.38% n/n. Nhập khẩu các mặt hàng sắt & thép tăng đến 29.46% n/n, đạt 0.97 tỷ USD trong tháng.

Hình 4. Top 10 xuất khẩu: tăng trưởng (% n/n)



Nguồn: KIS, GSO

Hình 5. Top 10 nhập khẩu: tăng trưởng (% n/n)

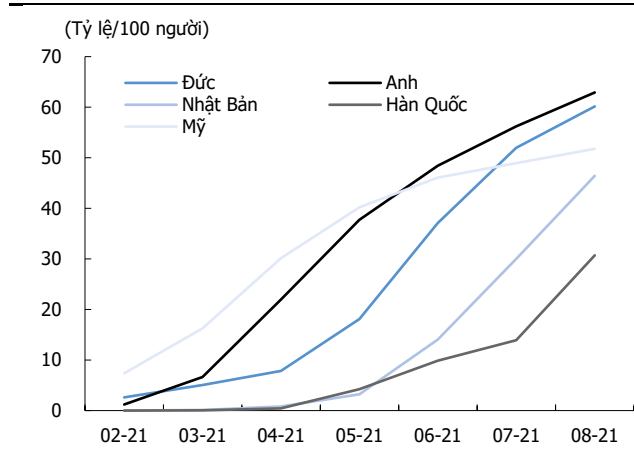


Nguồn: KIS, GSO

TMPP: điện thoại & linh kiện, CEPP: máy tính & linh kiện điện tử, METI: máy móc & thiết bị, otherMoT&parts: phương tiện vận tải và phụ tùng, W&Wprod: gỗ & sản phẩm gỗ, F&V: hàng rau quả, I&S: sắt thép, Plasprod: sản phẩm nhựa, TLFwMats&Aux: nguyên phụ liệu dệt may & da giày, otherBM: kim loại khác, Chemprod: sản phẩm hóa chất.

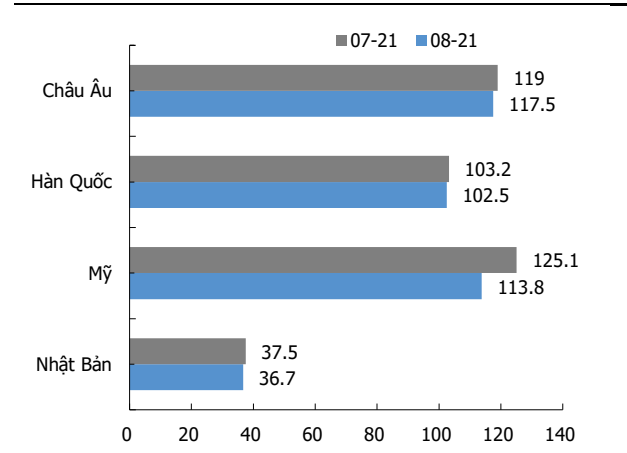
Những yếu tố kinh tế trên thế giới cũng ko diễn biến có lợi cho hoạt động thương mại của Việt Nam, mặc dù chúng tôi cho rằng ảnh hưởng của các yếu tố này là không đáng kể. Trong tháng 8, tỷ lệ tiêm người vaccine COVID-19 ở các thị trường lớn như Mỹ, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, và Trung Quốc, tăng hơn nữa, tiến gần đến ngưỡng miễn dịch cộng đồng xét theo tiêu chuẩn của WHO, đồng nghĩa với các thị trường trên đã, đang và sẽ sớm mở cửa lại nền kinh tế và đẩy mạnh nhu cầu tiêu thụ. Tính đến cuối tháng 8, tỷ lệ dân số tiêm vaccine đầy đủ của Mỹ, Đức, Nhật Bản, và Hàn Quốc đạt 51.77%, 60.15%, 46.42%, và 30.70%. Tỷ lệ tiêm vaccine ở các nước Châu Á đang được đẩy mạnh, trong khi tình hình ở Mỹ và Châu Âu thì đang chậm lại.

Hình 6. Tỷ lệ dân số tiêm 2 mũi vaccine



Nguồn: KIS, Our World In Data

Hình 7. Chỉ số niềm tin người tiêu dùng

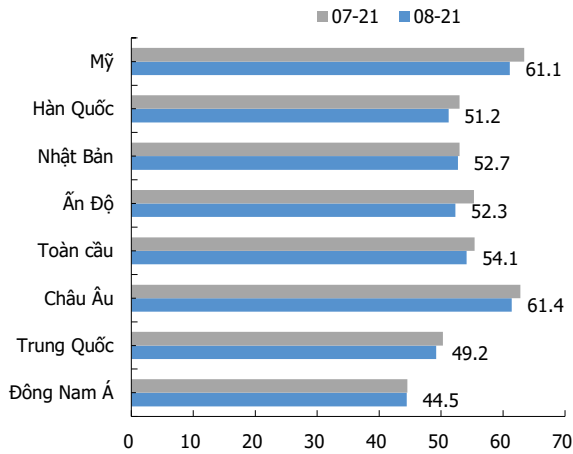


Nguồn: KIS, Bloomberg

Sau khi tăng trưởng kỷ lục vào tháng 7 với các số liệu vĩ mô ấn tượng, người tiêu dùng trở nên kém lạc quan hơn về nhu cầu tiêu dùng trong tương lai do những quan ngại về việc tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại. Ví dụ, chỉ số đo lường niềm tin người tiêu dùng của thị trường Mỹ giảm đến 11.3 điểm xuống chỉ còn 113.81 điểm trong tháng 8, trong bối cảnh các gói hỗ trợ người dân tại Mỹ đang chuẩn bị kết thúc vào cuối quý này. Chỉ số niềm tin người tiêu dùng ở khu vực Châu Âu, Hàn Quốc, và Nhật Bản cũng giảm nhẹ so với tháng trước. Trong khi đó, chỉ số PMI toàn cầu chậm lại đáng kể cũng cho thấy triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu không còn lạc quan trong bối cảnh chủng virus Delta đang lan rộng. Đa số cập nhật PMI trong tháng 8 của hầu hết các quốc gia sản xuất Trung Quốc và Đông Nam Á cũng xấu đi.

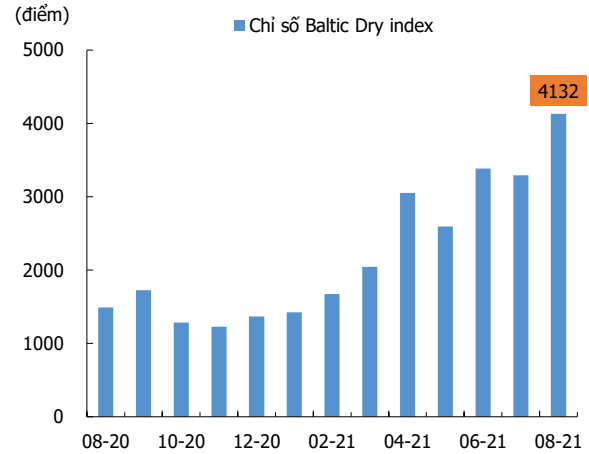
Mặt khác, tình hình tắc nghẽn logistics trên toàn cầu vẫn chưa được cải thiện, với chỉ số Baltic dry, nhằm đo lường giá cước vận tải toàn cầu, tăng kỷ lục trong tháng 8. Việc giá vận chuyển hàng hóa tăng mạnh cũng là một áp lực đối với triển vọng xuất khẩu của Việt Nam trong các tháng cuối năm.

Hình 8. PMI sản xuất toàn cầu



Nguồn: KIS, Our World In Data

Hình 9. Chỉ số Baltic Dry Index



Nguồn: KIS, Bloomberg

Về điều kiện hoạt động của tình hình sản xuất – xuất khẩu nội địa hiện tại, chúng tôi đánh giá tình hình đại dịch phức tạp hiện tại cùng với các biện pháp giãn cách trong sản xuất đang là nhân tố ảnh hưởng rất tiêu cực, đặc biệt là đối với các ngành thâm dụng lao động sản xuất và tập trung khu vực phía Nam như dệt may, giày da, gỗ, và thủy sản.

DỰ BÁO:

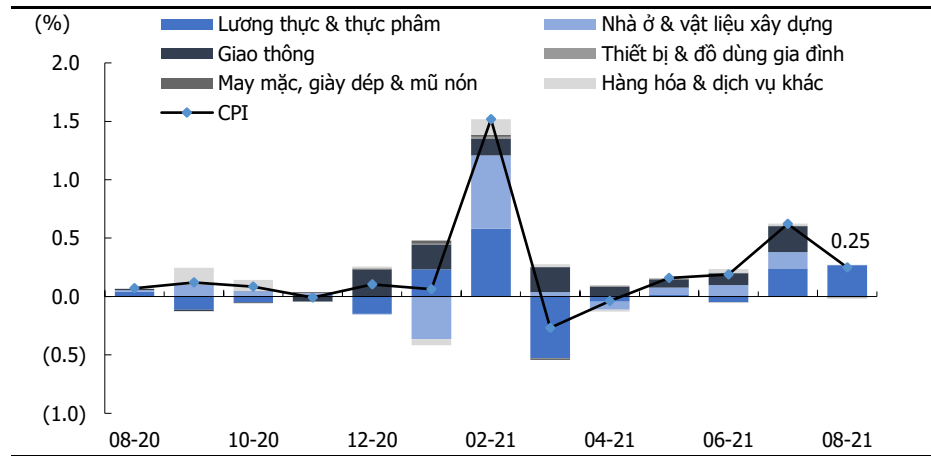
Số liệu tháng 8 cho thấy tình hình vĩ mô toàn cầu đang phần nào đó xấu đi, đặc biệt là nền kinh tế thứ 2 toàn cầu Trung Quốc đang chậm lại và gặp nhiều vấn đề. Cùng với đó, tình hình sản xuất và hoạt động kinh doanh trong nước cũng đang gặp áp lực lớn bởi đại dịch. Theo quan điểm của chúng tôi, hoạt động xuất nhập khẩu sẽ tiếp tục đối mặt với các vấn đề từ cả 2 phía cung cầu, và sẽ tiếp tục chậm lại trong cuối quý 3.

II. CPI đối mặt áp lực giảm

Giá cả lương thực & thực phẩm leo thang đẩy tăng CPI

Theo số liệu từ GSO, lạm phát trong tháng 8 đang chịu áp lực tăng, chủ yếu từ giá nhóm lương thực & thực phẩm leo thang. Chỉ số CPI ghi nhận tháng tăng thứ tư liên tục, tăng 0.25% so với cuối tháng 7. Giá cả nhóm lương thực & thực phẩm, là nhóm có tỷ trọng cao nhất trong rổ hàng hóa CPI, tăng đến 0.74% t/t, đóng góp hầu hết đà tăng CPI trong tháng, khi mà nhu cầu lương thực & thực phẩm tăng đột biến trong đại dịch. So với cùng kỳ năm ngoái, chỉ số CPI chỉ tăng 1.86% n/n, thấp hơn nhiều so với trước đó, do ảnh hưởng của “nền giá cả 2020 thấp” đã kết thúc. Theo đó, lạm phát trung bình 12 tháng hiện tại chỉ đạt 1.70%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu lạm phát 4%.

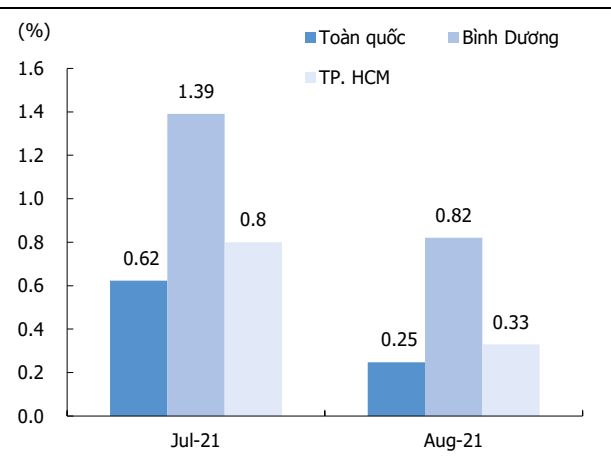
Hình 10. Thay đổi CPI theo lĩnh vực kinh tế



Nguồn: GSO, KIS

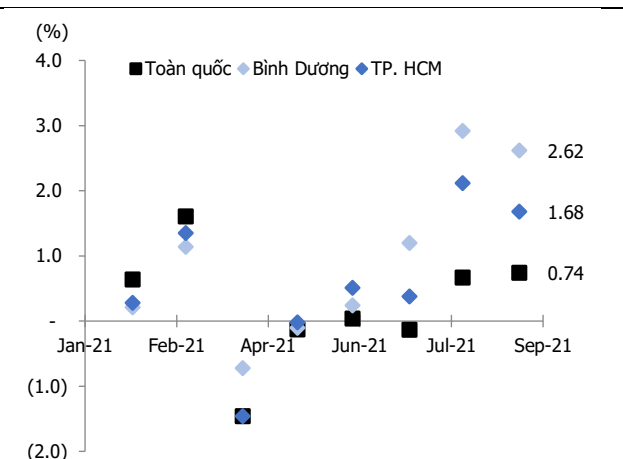
Số liệu cho thấy phần lớn đà tăng của CPI trong tháng là do ảnh hưởng của 2 yếu tố: (1) nhu cầu mua sắm các mặt hàng thiết yếu tăng cao; (2) chi phí vận chuyển/phân phối hàng hóa leo thang trong giãn cách xã hội. Các địa phương giãn cách nghiêm ngặt đều có chỉ số CPI tăng mạnh, như CPI khu vực TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương lần lượt tăng 0.33% t/t và 0.80% t/t, trong khi giá cả nhóm lương thực & thực phẩm của 2 địa phương trên leo thang 1.68% t/t và 2.62%, cao hơn khoảng 2 đến 3 lần so với trung bình.

Hình 11. CPI theo khu vực



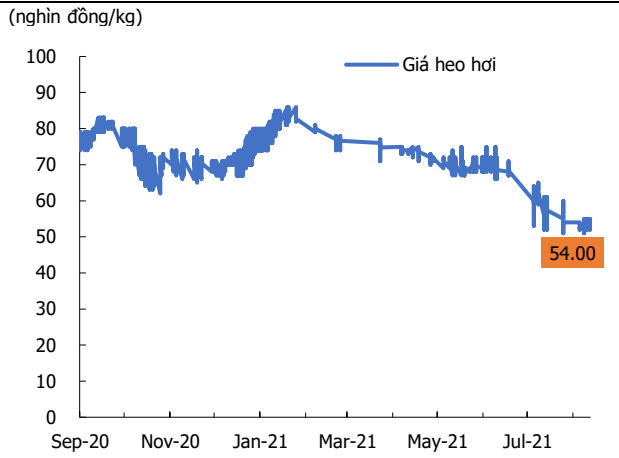
Nguồn: GSO, KIS

Hình 12. CPI lương thực & thực phẩm theo khu vực

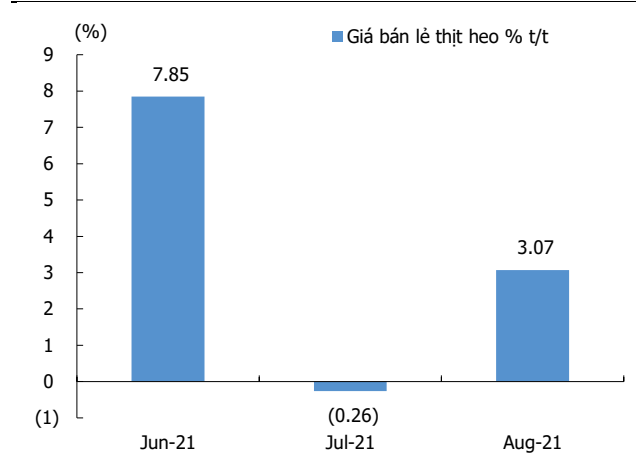


Nguồn: GSO, KIS

Giá cả heo hơi và thịt heo thành phẩm là một ví dụ cụ thể về áp lực của việc chuỗi cung ứng hàng hóa gặp khó khăn lên giá cả chung. Giá cả heo hơi trung bình giảm đến 8.43% so với cuối tháng 7, về mức thấp nhất trong năm nay, trong khi giá cả thịt heo thành phẩm lại tăng đến 3.07% so với cuối tháng 7, cho thấy giá cả một số nhóm sản phẩm đang gặp áp lực tăng tạm thời do ảnh hưởng của chuỗi cung ứng đứt gãy.

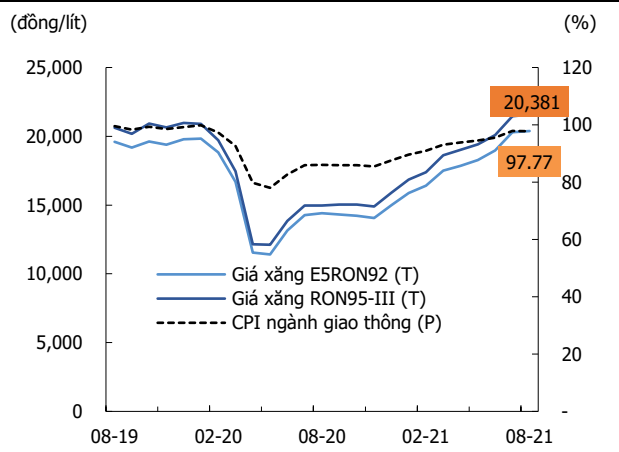
Hình 13. Giá thị trường heo hơi

Nguồn: GSO, KIS

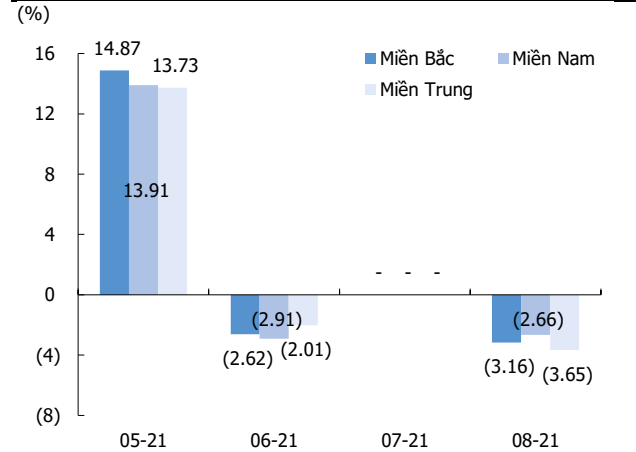
Hình 14. Giá bán lẻ thịt heo

Nguồn: GSO, KIS

Trong khi đó, tình hình giá cả xăng dầu trong tháng 8 không có nhiều sự thay đổi so với tháng 7. Dựa trên mức giá xăng dầu điều chỉnh từ MoIT trong 2 kỳ tháng 8, giá bán trung bình xăng ERON92 và RON95 tăng nhẹ 0.44% t/t và 0.54% t/t, giúp cho giá cả ngành giao thông không thay đổi nhiều. Bên cạnh đó, giá cả các sản phẩm thép nội địa tiếp tục giảm kể từ tháng 5, phần nào gây nên áp lực giảm lên giá cả nhóm nhà ở & vật liệu xây dựng.

Hình 15. Giá xăng và CPI ngành giao thông

Nguồn: GSO, KIS

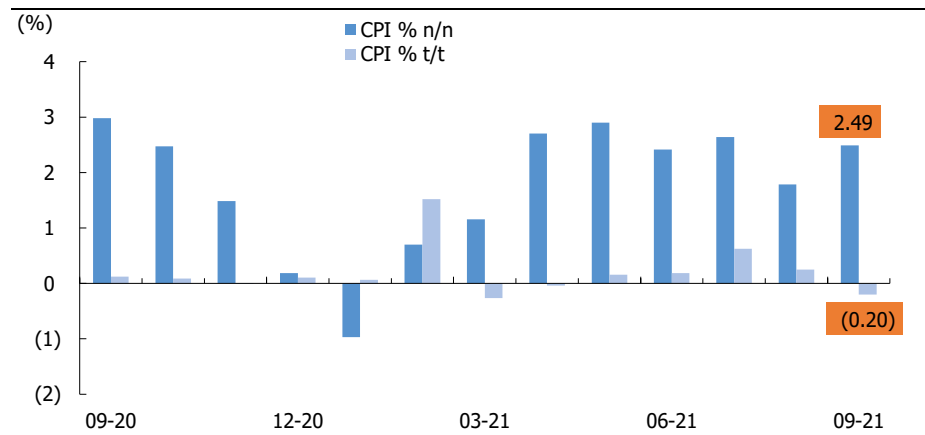
Hình 16. Giá thép theo khu vực

Nguồn: GSO, KIS

DỰ BÁO:

Theo quan điểm của chúng tôi, tình trạng giá cả nhóm ngành thiết yếu leo thang trong thời kỳ giãn cách sẽ dần kết thúc kể từ tháng 9 trở đi, khi các biện pháp giãn cách nghiêm ngặt dần được nới lỏng và tình hình logistics được cải thiện. Mặt khác, giá cả các nhóm hoạt động dịch vụ cũng như các mặt hàng không thiết yếu sẽ chưa thể cải thiện trong tháng tới. Chúng tôi dự báo CPI sẽ giảm nhẹ khoảng 0.20% t/t trong tháng 9.

Hình 17. Dự bán CPI tháng 9/2021



Nguồn: KIS, GSO

III. Ngành bán lẻ lao dốc về mức thấp nhất 2021

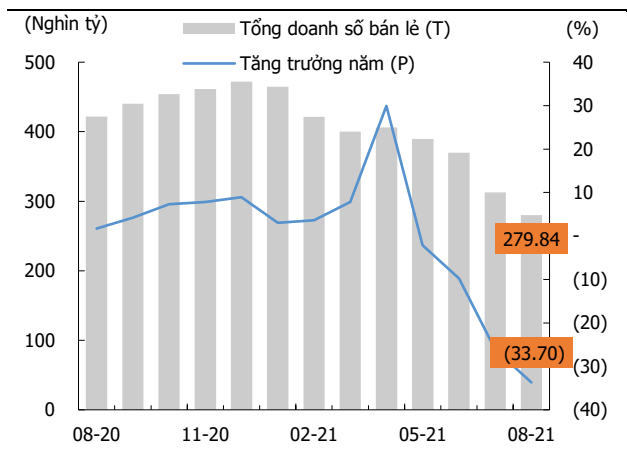
Hoạt động bán lẻ giảm mạnh trong giai đoạn giãn cách kéo dài

Ngành bán lẻ và dịch vụ đang tiếp tục là khu vực bị ảnh hưởng nặng nhất trong làn sóng đại dịch lần thứ 4 này, khi mà đa số hoạt động bán lẻ và dịch vụ gần như đóng băng ở các khu vực bị giãn cách chặt, đặc biệt là các tỉnh thành phía Nam, Đà Nẵng, và Hà Nội. Theo ước tính của GSO, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và hoạt động dịch vụ trong tháng 8 tiếp tục lao dốc xuống mức thấp nhất trong năm, chỉ đạt 279.84 nghìn tỷ đồng và giảm đến 10.50% t/t, thấp hơn 33.70% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu ngành bán lẻ trong tháng giảm nhẹ 0.73% so với trong tháng 7, đạt mức 249.94 nghìn tỷ đồng và thấp hơn 25.35% so với cùng kỳ 2020. Các hoạt động dịch vụ lưu trú & ăn uống và du lịch gần như đóng băng ở thời điểm hiện tại khi lần lượt giảm 66.89% n/n và 97.56% n/n, chỉ đạt 13.53 nghìn tỷ đồng và 0.02 nghìn tỷ đồng.

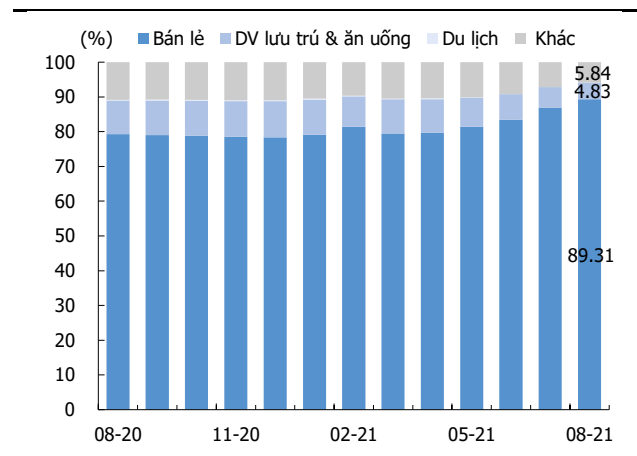
Theo cơ cấu tỷ trọng theo lĩnh vực hoạt động, doanh thu bán lẻ chiếm đa số đến 89.13% tổng doanh thu bán lẻ & dịch vụ, trong khi tỷ trọng doanh thu của cả dịch vụ lưu trú & ăn uống và du lịch chỉ chiếm 4.84%.

Hình 18. Doanh số bán lẻ & dịch vụ



Nguồn: GSO, KIS

Hình 19. Cơ cấu ngành bán lẻ & dịch vụ

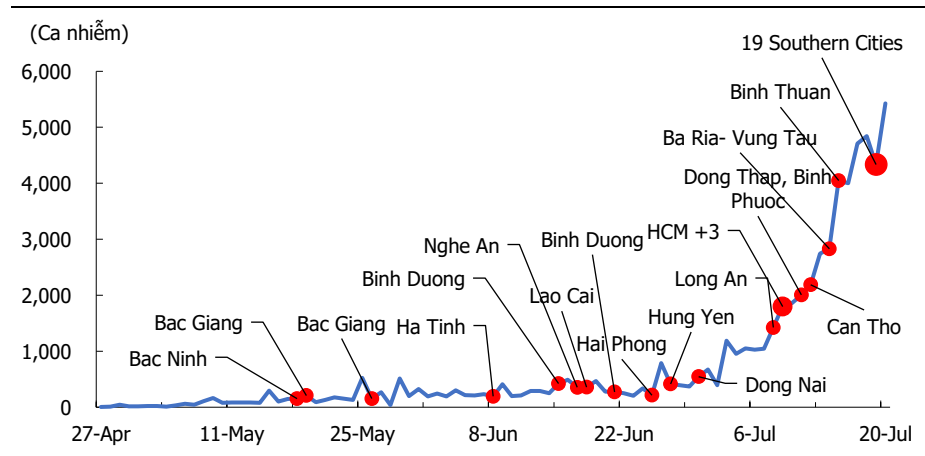


Nguồn: GSO, KIS

DỰ BÁO:

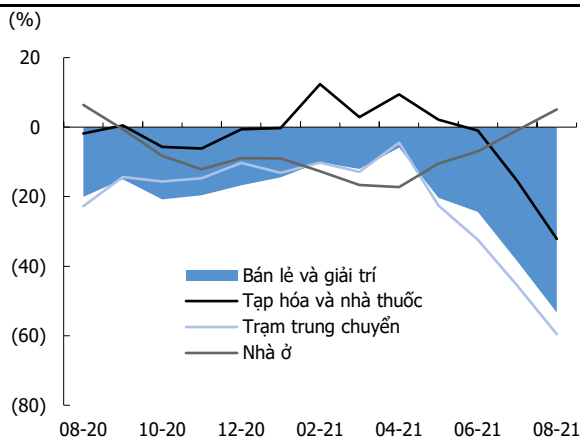
Tình hình dịch bệnh ở các khu vực phía Nam vẫn đang diễn biến phức tạp, đặc biệt là trung tâm kinh tế TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lớn Đồng Nai và Bình Dương. Với xác suất rất thấp cho việc mở cửa dần dần các hoạt động kinh tế trở lại trong tháng tới, hoạt động của ngành này vẫn đang chịu áp lực rất lớn. Tuy nhiên, trong viễn cảnh các địa phương chọn cách mở cửa trở lại và sống chung với đại dịch, chúng tôi tin rằng hoạt động bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng sẽ hồi phục nhanh sau đó, nhờ vào việc nhu cầu tiêu thụ bị dồn nén trong các tháng gần đây.

Hình 20. Dòng thời gian áp dụng Chỉ thị 16 tại các tỉnh thành



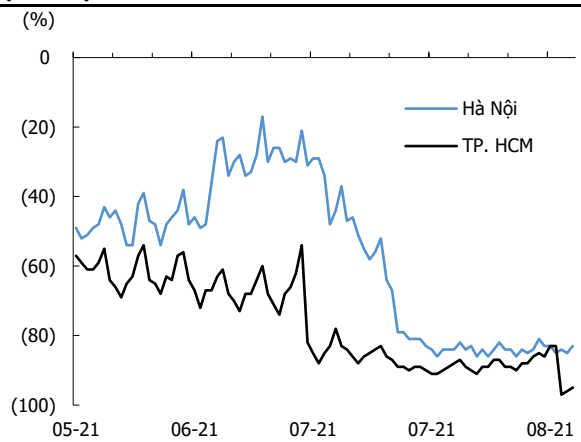
Nguồn: WHO, MoH, KIS.
Notes: HCM +3 = Tp. HCM, Đồng Nai, Bình Dương, và thành phố Nha Trang.

Hình 21. Chỉ số di động cộng đồng khu vực dịch vụ



Nguồn: GSO, KIS

Hình 22. Chỉ số di động cộng đồng khu vực dịch vụ tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh



Nguồn: GSO, KIS

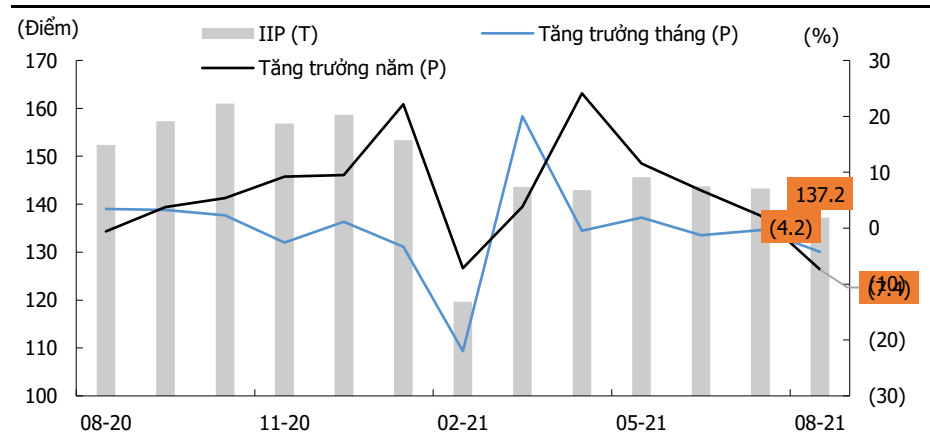
IV. Đà giảm sâu tiếp tục gia tăng khu vực sản xuất

Hoạt động sản xuất thâm dụng lao động bị ảnh hưởng nặng nề trong giãn cách

Trong điều kiện giãn cách xã hội nghiêm ngặt đối với đa số các hoạt động sản xuất kinh doanh, ngành sản xuất công nghiệp phải đối mặt với thách thức lớn với nguy cơ có thể xảy ra gián đoạn, đứt gãy chuỗi sản xuất – cung ứng trong ngắn hạn. Bên cạnh những khó khăn trong hoạt động sản xuất, có thể thấy nhu cầu nội địa với các sản phẩm công nghiệp cũng đang bị tắc nghẽn theo tình hình chung, đặc biệt là đối với các lĩnh vực thực phẩm & đồ uống.

Dưới tác động của đại dịch, theo ước tính của GSO, sản lượng công nghiệp IIP lao dốc tháng thứ 3 liên tục và cũng ghi nhận mức giảm lớn nhất trong 1 năm trở lại đây. Cụ thể, chỉ số IIP giảm đến 4.24% so với tháng 7, và cũng ghi nhận tăng trưởng âm 7.39% so với cùng kỳ năm ngoái, lần đầu tiên trong năm nay.

Hình 23. Tăng trưởng sản xuất công nghiệp



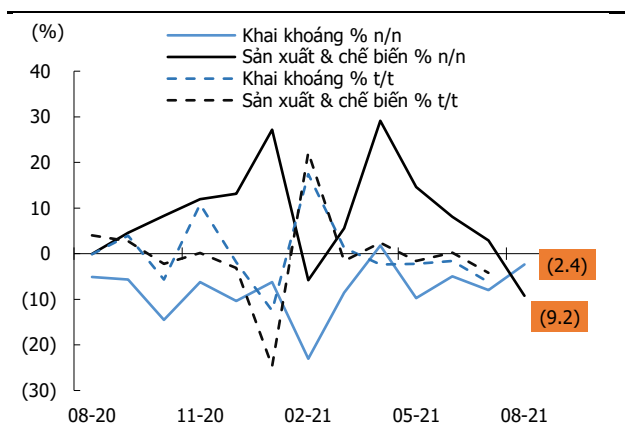
Nguồn: GSO, KIS

Xét theo các phân ngành công nghiệp cấp 1, ngành khai khoáng đang giảm mạnh nhất so với các ngành khác, khi mà các hoạt động khai thác dầu khí đang gặp khó khăn. Chỉ số sản lượng ngành này giảm liên tục trong 4 tháng trở lại đây và ghi nhận mức thấp kỷ lục, giảm 6.24% t/t và 2.37% n/n.

Trong khi đó, trong phân ngành chế biến & sản xuất, có một số lĩnh vực công nghiệp đang lao dốc nghiêm trọng giữa bối cảnh đại dịch, và sẽ được phân tích chi tiết ở phần tiếp theo. Xét tổng thể phân ngành này, sản lượng sản xuất giảm đến 4.21% t/t về mức thấp nhất trong 15 tháng trở lại đây (loại trừ đi tháng nghỉ Tết). Đà tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước trong 11 tháng liên tục cũng vừa kết thúc, khi ghi nhận giảm mạnh 9.23% n/n.

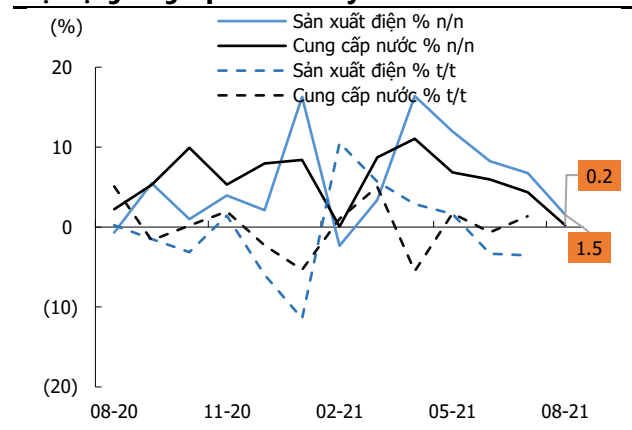
Bên cạnh đó, sản lượng ngành sản xuất & phân phối điện tiếp tục đà giảm từ tháng trước, giảm 3.55% trong tháng 8, mặc dù vẫn cao hơn 1.54% so với cùng kỳ 2020. Đối với ngành cung cấp nước & xử lý rác thải, sản lượng ngành này tăng trưởng 1.36% t/t và 0.23% n/n.

Hình 24. IIP nhóm ngành khai khoáng và sản xuất



Nguồn: GSO, KIS

Hình 25. IIP nhóm ngành sản xuất & phân phối điện và hoạt động cung cấp nước & xử lý rác thải

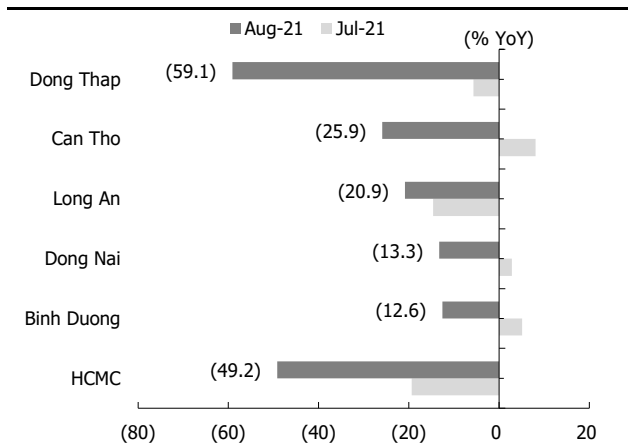


Nguồn: GSO, KIS

Theo quan điểm của chúng tôi, dựa trên số liệu vĩ mô ở các tỉnh thành từ GSO, có thể thấy phần lớn mức giảm trong hoạt động sản xuất đến từ các địa phương có dịch bệnh hoành hành, tập trung phần lớn ở khu vực phía Nam. Việc này giúp cho việc gián đoạn sản xuất phần nào đó ít nghiêm trọng hơn so với đợt phong tỏa toàn quốc đầu tiên vào năm ngoái.

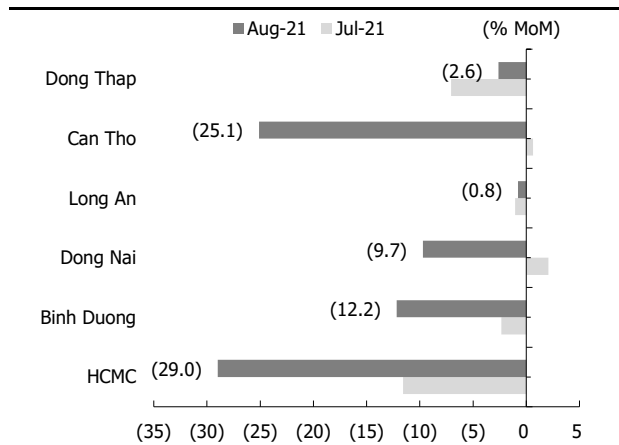
Thêm vào đó, số liệu cho thấy tại các địa phương bị phong tỏa, các lĩnh vực sản xuất dệt may, giày da, cũng như thực phẩm & đồ uống là khu vực lao dốc mạnh nhất. Số liệu về điều kiện lao động ở các địa phương phía Nam cũng giảm mạnh tương ứng, thể hiện các doanh nghiệp phải thu hẹp hoặc thậm chí dừng hoạt động sản xuất trong điều kiện giãn cách nghiêm ngặt.

Hình 26. IIP tại các tỉnh thành phía Nam



Nguồn: GSO, KIS

Hình 27. Điều kiện lao động các tỉnh thành phía Nam

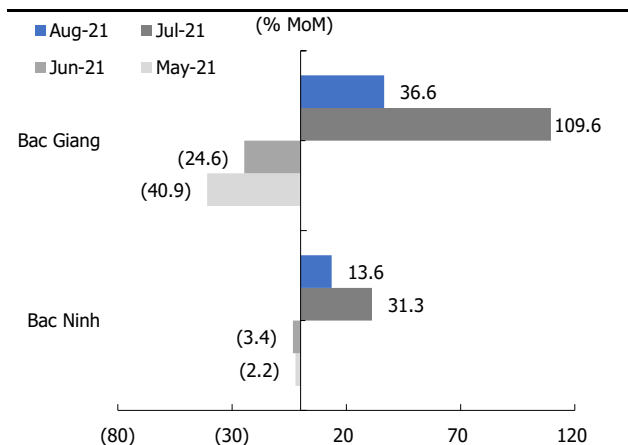


Nguồn: GSO, KIS

Note: Employment index is reported as of the first day in a month

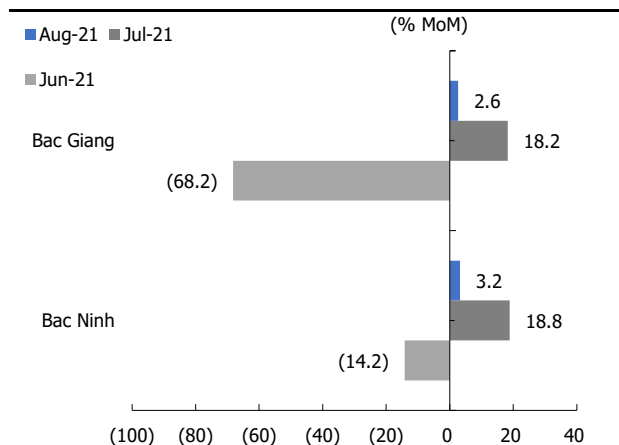
Trong quá khứ, hoạt động sản xuất ở Bắc Giang và Bắc Ninh cũng phải đối mặt với tình trạng giãn cách nghiêm ngặt tương tự, và lao dốc trong giai đoạn ngắn. Tuy nhiên, số liệu cho thấy cả sản lượng sản xuất và điều kiện lao động ở các tỉnh thành trên đều hồi phục rất nhanh và mạnh khi điều kiện giãn cách được nới lỏng trở lại. Mặc dù tình hình đại dịch ở phía Nam kỳ này phức tạp hơn nhiều so với trước đây, chúng tôi vẫn tin vào kịch bản hoạt động sản xuất sẽ hồi phục ấn tượng khi mà các hạn chế giãn cách được nới lỏng trong sản xuất, đặc biệt là đối với yêu cầu sản xuất “3 tại chỗ” hiện tại.

Hình 28. IIP Bắc Giang và Bắc Ninh



Nguồn: GSO, KIS

Hình 29. Điều kiện lao động tại Bắc Giang và Bắc Ninh



Nguồn: GSO, KIS

Ghi chú: Số lượng lao động công nghiệp được báo cáo đầu tháng

Các phân tích chi tiết về điều kiện hoạt động các lĩnh vực sản xuất công nghiệp quan trọng được trình bày dưới đây:

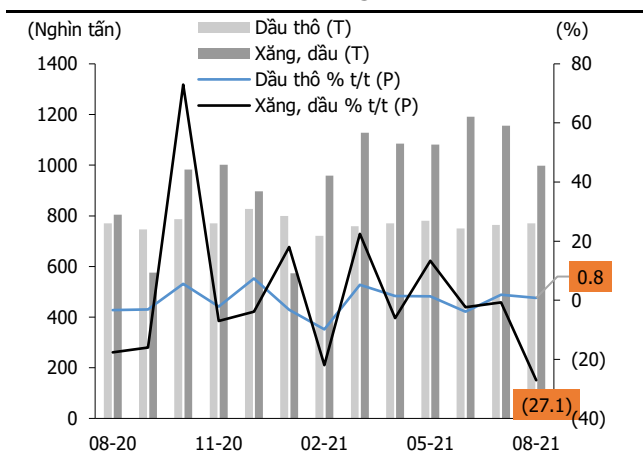
Công nghiệp khai thác dầu khí:

Trong giai đoạn đa số các tỉnh thành đang áp dụng phong tỏa, nhu cầu sử dụng xăng dầu gần như bị đóng băng và gây áp lực lên hoạt động sản xuất. Các thông tin gần đây từ nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất với quy mô lớn thứ 2 cả nước, chỉ ra rằng nhà máy sẽ phải đối mặt với nguy cơ ngừng hoạt động tạm

thời nếu nhu cầu xăng dầu không được cải thiện trong các tháng tới, khi mà phần dự trữ đã tăng gần đến ngưỡng tối đa. Do đó, sản lượng sản xuất các sản phẩm xăng dầu nói chung ghi nhận mức giảm mạnh nhất trong 2 năm trở lại đây, giảm đến 27.1% t/t. Thêm vào đó, sản lượng khai thác khí rơi về mức thấp thứ 2 kỷ lục sau khi giảm 4 tháng liên tục, giảm 11.9% t/t trong tháng 8, trong khi sản lượng khai thác dầu thô cũng đi ngang ở vùng thấp kỷ lục, tăng nhẹ 0.8% t/t.

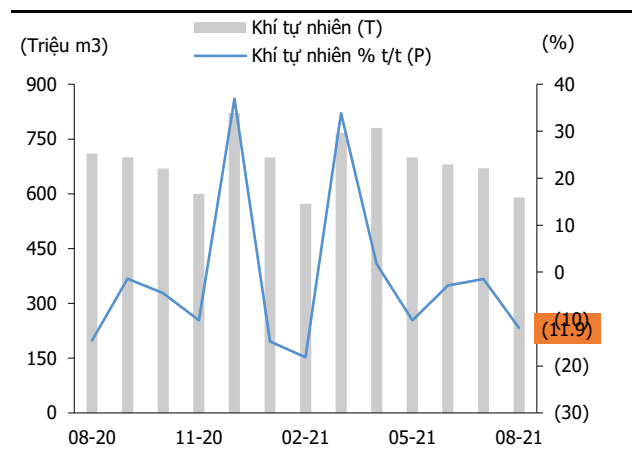
Triển vọng hồi phục của ngành này sẽ phụ thuộc rất nhiều vào tiến trình mở cửa lại nền kinh tế, khi mà cú sốc nhu cầu được giải quyết khi đó. Cho tới khi các lệnh giãn cách xã hội được nới lỏng ra, hoạt động sản xuất & cung ứng của ngành xăng dầu vẫn sẽ tiếp tục lao dốc.

Hình 30. Khai thác dầu thô và xăng dầu



Nguồn: KIS, GSO

Hình 31. Khai thác khí tự nhiên



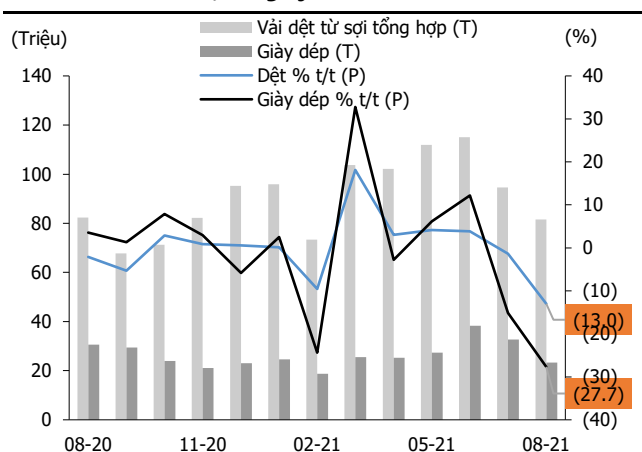
Nguồn: KIS, GSO

Công nghiệp dệt may, giày da:

Như đã được dự đoán từ trước, lĩnh vực sản xuất dệt may & giày da bị ảnh hưởng nghiêm trọng với điều kiện sản xuất “3 tại chỗ” được áp dụng trong đại dịch. Số liệu cho thấy ảnh hưởng của đại dịch hiện tại đến ngành này còn nghiêm trọng hơn so với giai đoạn phong tỏa lần đầu tháng 4 năm ngoái. Mặc dù chúng tôi cho rằng việc gián đoạn sản xuất chỉ ảnh hưởng trong ngắn hạn, các doanh nghiệp trong ngành phải đối mặt với rủi ro khác là mất các đơn hàng xuất khẩu trong đợt xuất khẩu cao điểm hàng năm. Rủi ro thất bại trong việc duy trì đáp ứng nhu cầu xuất khẩu sẽ là một bước thụt lùi lớn đối với triển vọng hồi phục của ngành này.

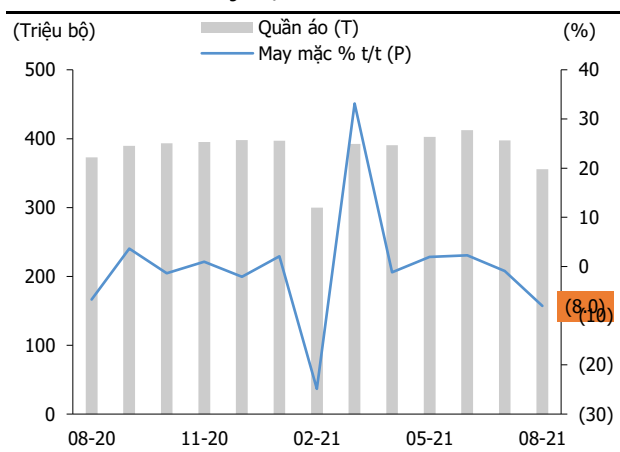
Theo số liệu cụ thể, sản lượng sản xuất dệt và giày da lao dốc kỷ lục trong tháng 8, giảm đến 13.0% t/t và 27.7% t/t. Trong khi đó, sản lượng ngành may giảm nhẹ hơn ở mức 8.0% t/t.

Chúng tôi cho rằng hoạt động sản xuất của các ngành này sẽ tiếp tục đối mặt với khó khăn trong tháng 9 cũng như trong giai đoạn đầu của việc mở cửa trở lại, khi mà điều kiện lao động sẽ tốn nhiều thời gian hơn để hồi phục sau đại dịch. Bên cạnh đó, nhu cầu xuất khẩu của ngành này trong giai đoạn sắp tới cũng mang đến nhiều lo ngại, khi số liệu xuất khẩu trong tháng 8 lao dốc mạnh, cho thấy việc dịch chuyển các đơn hàng xuất khẩu đang diễn ra.

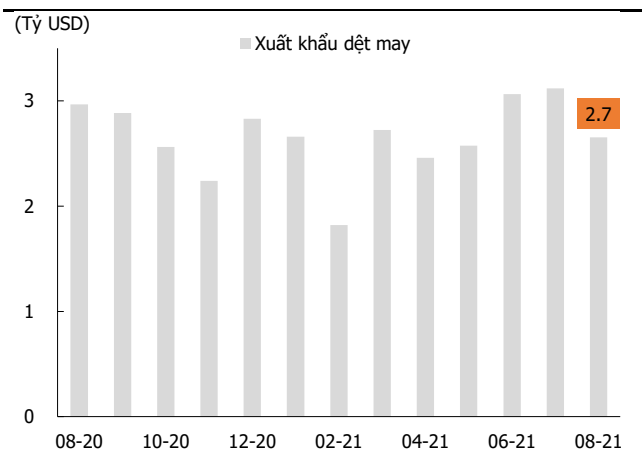
Hình 32. Sản xuất dệt và giày da

Nguồn GSO, KIS

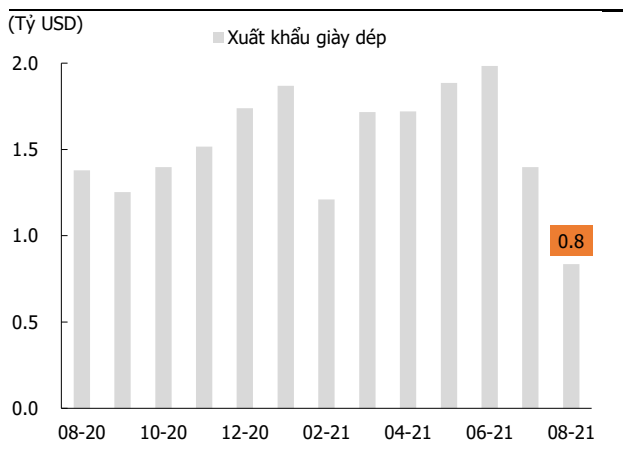
Ghi chú: Vải dệt từ sợi tự nhiên: triệu m2; Giày dép: triệu đôi

Hình 33. Sản xuất may mặc

Nguồn: GSO, KIS

Hình 34. Xuất khẩu dệt may

Nguồn GSO, Hải quan VN, KIS

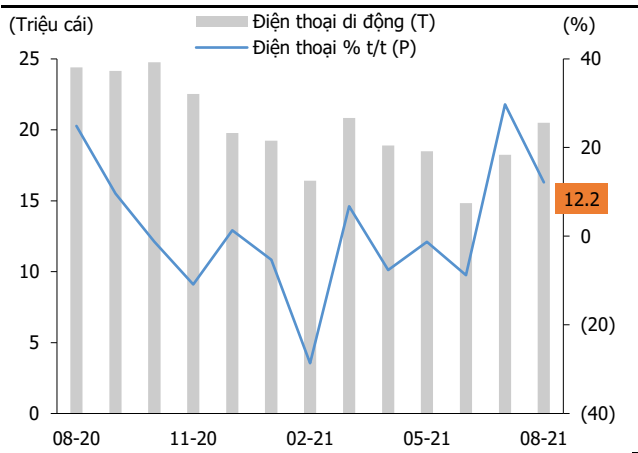
Hình 35. Xuất khẩu giày da

Nguồn: GSO, Hải quan VN, KIS

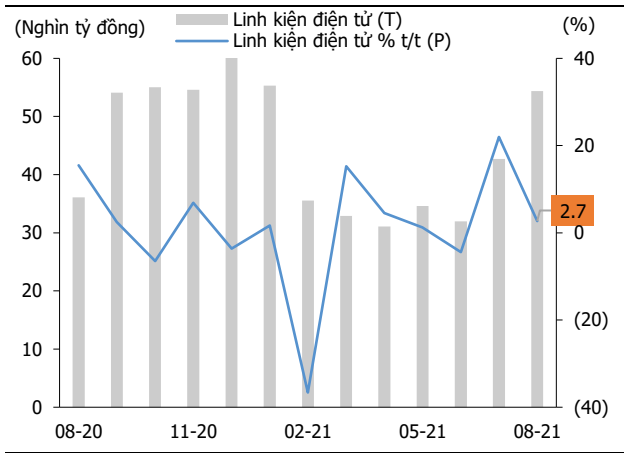
Công nghiệp điện tử:

Sau khi gặp khủng hoảng trong sản xuất trong giai đoạn tháng 5 - tháng 6 trước đây do đợt dịch thứ 3 ở Bắc Giang và Bắc Ninh, sản xuất công nghiệp điện tử đã và đang hồi phục rất ấn tượng trong tháng 7 và tháng 8, tốc độ tăng ở mức 2 con số. Chỉ số sản lượng sản xuất các linh kiện điện tử và di động đạt mức cao nhất trong 2021 trong tháng này, lần lượt tăng 12,2% t/t và 2,7% t/t, mặc dù vẫn thấp hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Đà tăng trưởng sản xuất mạnh được hỗ trợ chủ yếu nhờ vào nhu cầu xuất khẩu mạnh. Bên cạnh đó, việc Samsung đang ra mắt các sản phẩm di động Z Fold 3 và Z Flip trên toàn cầu cũng được kỳ vọng sẽ đóng góp mạnh đến tăng trưởng ngành này trong các tháng sắp tới.

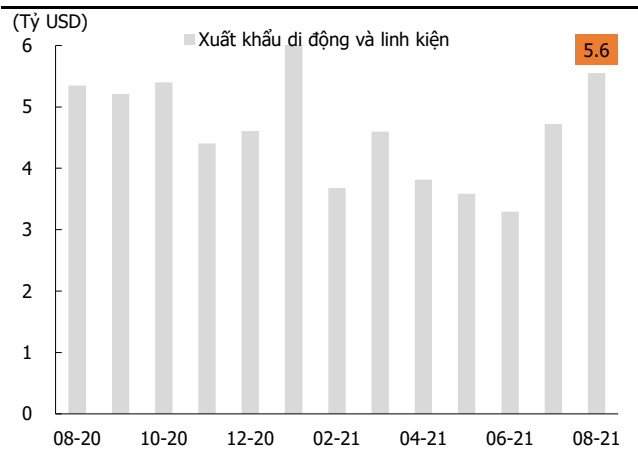
Theo quan điểm của chúng tôi, với các trung tâm sản xuất điện tử đa số tập trung ở các tỉnh miền Bắc và ít bị ảnh hưởng bởi đại dịch lần này, cùng với đó là nhu cầu xuất khẩu tăng mạnh, ngành sản xuất điện tử sẽ được xem là động lực chính cho tăng trưởng công nghiệp trong các tháng cuối năm.

Hình 36. Sản xuất điện thoại di động

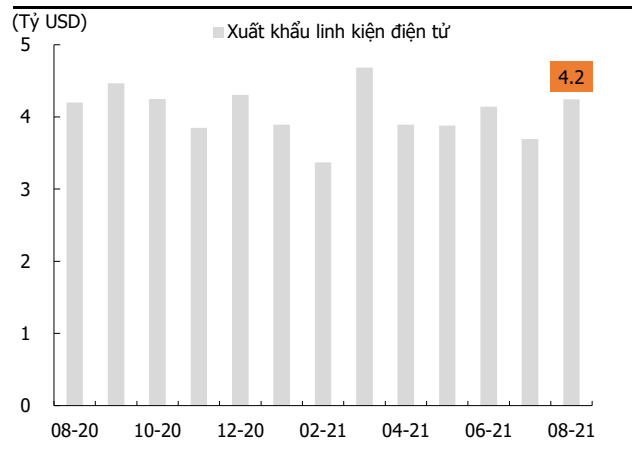
Nguồn: GSO, KIS

Hình 37. Sản xuất linh kiện điện tử

Nguồn: GSO, KIS

Hình 38. Xuất khẩu di động và linh kiện

Nguồn: GSO, Hải quan VN, KIS

Hình 39. Xuất khẩu linh kiện điện tử

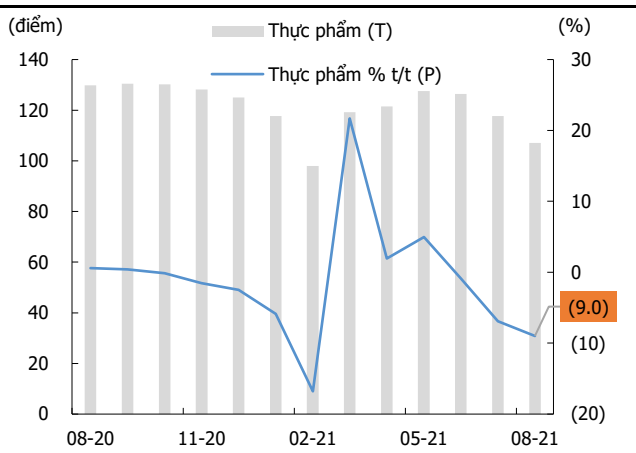
Nguồn: GSO, Hải quan VN, KIS

Công nghiệp sản xuất thực phẩm & đồ uống:

Là một trong số các hoạt động sản xuất phụ thuộc nhiều vào độ thâm dụng lao động, ngành công nghiệp sản xuất thực phẩm & đồ uống cũng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ các quy định sản xuất “3 tại chỗ” và giảm quy mô sản xuất. Số liệu cho thấy sản lượng sản xuất của các ngành trên giảm nghiêm trọng trong tháng 7 – tháng 8. Sản xuất thực phẩm giảm gần 9% t/t trong tháng 8, và giảm đến 15% trong 2 tháng gần đây, trong khi mức giảm đối với hoạt động sản xuất đồ uống (bia) còn nặng nề hơn khi giảm 22.61% t/t và giảm đến 30.8% trong 2 tháng gần nhất.

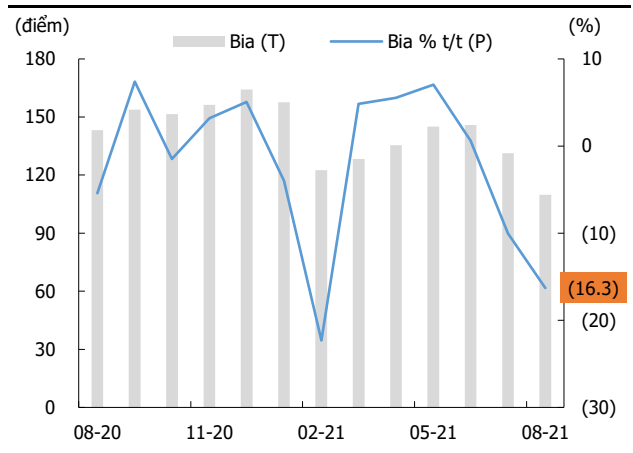
2 vấn đề chính xảy ra với ngành này là: (1) chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí nhân công, tăng vọt để có thể đáp ứng đủ các điều kiện an toàn theo quy định trong đại dịch; (2) phần tiêu thụ nội địa cũng giảm mạnh khi hoạt động dịch vụ ăn uống đóng băng trong các tháng gần đây. Cho đến khi các vấn đề trên có thể được tháo gỡ, các ngành này sẽ còn chịu tác động nặng nề.

Hình 40. Sản xuất thực phẩm



Nguồn: GSO, KIS

Hình 41. Sản xuất bia



Nguồn: GSO, KIS

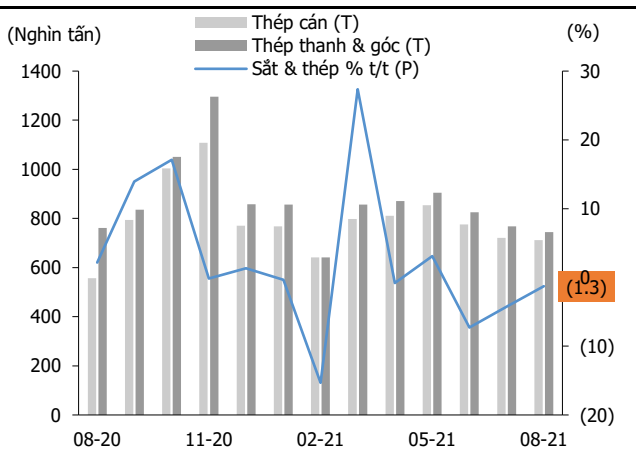
Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng:

Với những quy định hiện hành về việc hoạt động xây dựng bị tạm hoãn ở các vùng có đại dịch (các khu vực thực hiện chỉ thị 16), nhu cầu tiêu thụ nội địa đối với vật liệu xây dựng gần như trì trệ, kéo theo đà giảm sản xuất vật liệu xây dựng. Sản lượng sản xuất sắt & thép và xi măng tiếp tục giảm tháng thứ 3 liên tiếp kể từ tháng 6, mặc dù mức giảm theo số liệu là không mạnh, lần lượt giảm 1.3% t/t và 1.1% t.t.

Điểm sáng của ngành công nghiệp sản xuất sắt & thép là việc nhu cầu xuất khẩu sắt thép liên tục đạt kỷ lục mới trong 3 tháng liên tiếp kể từ tháng 6, với đà tăng trưởng lên đến từ 2 đến 3 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

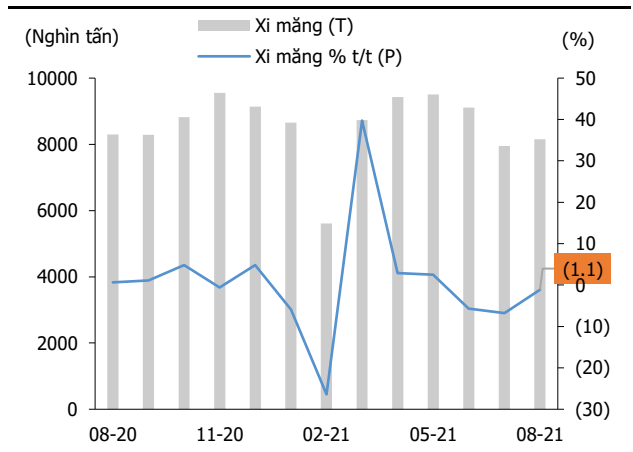
Theo quan điểm của chúng tôi, nhóm các ngành này sẽ chứng kiến đà phục hồi nhanh và mạnh sau đại dịch, nhờ vào các yếu tố tích cực như nhu cầu nội địa đang bị dồn nén và nhu cầu xuất khẩu đạt kỷ lục.

Hình 42. Sản xuất các sản phẩm thép



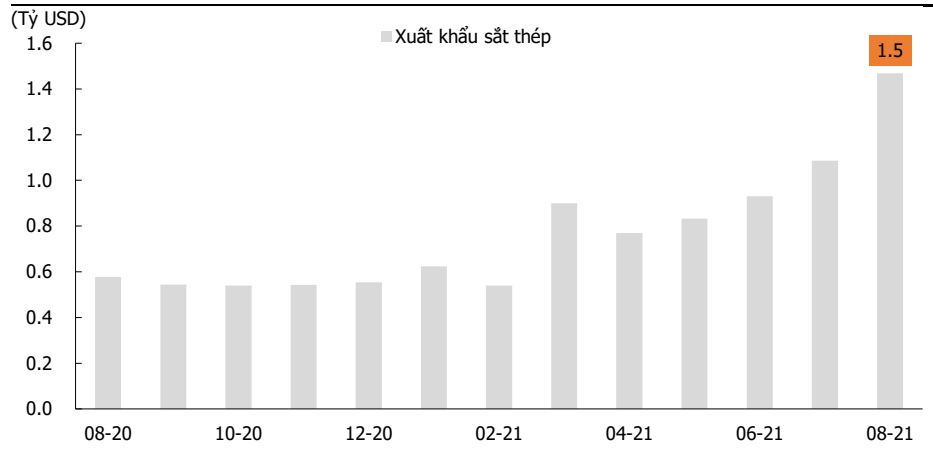
Nguồn: GSO, KIS

Hình 43. Sản xuất xi măng



Nguồn: GSO, KIS

Hình 44. Xuất khẩu sắt thép



Nguồn: GSO, Hải quan VN, KIS

DỰ BÁO:

Triển vọng của ngành sản xuất công nghiệp đang phụ thuộc rất nhiều vào tầm nhìn và chiến lược của chính phủ trong việc kiểm soát dịch bệnh và mở cửa lại nền kinh tế trong các tháng cuối năm 2021. Các doanh nghiệp sản xuất không những trông chờ vào các hỗ trợ về mặt tài chính từ chính quyền, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào tiến trình mở cửa nhanh và an toàn trong giai đoạn then chốt sắp tới, đặc biệt là việc tháo gỡ nút thắt “3 tại chỗ”. Bên cạnh đó, các dữ liệu về sản xuất và xuất khẩu cần được quan sát kỹ trong các tháng sắp tới, nhằm có thể đánh giá rủi ro của việc dịch chuyển các đơn hàng xuất khẩu đến các khu vực sản xuất khác lên hoạt động sản xuất – xuất khẩu nội địa.

Đối với triển vọng sản xuất vào tháng 9, chúng tôi duy trì quan điểm điều kiện sản xuất sẽ tiếp tục tệ đi, có thể sẽ phản ánh bằng việc sản lượng sản xuất tiếp tục lao dốc. Theo đó, rất có thể kết quả sản xuất trong quý 3 năm nay sẽ là tệ nhất trong nhiều năm trở lại đây.

V. FDI đối mặt nhiều thách thức trong dài hạn

FDI giải ngân chậm mức thấp nhất trong nhiều năm do đại dịch

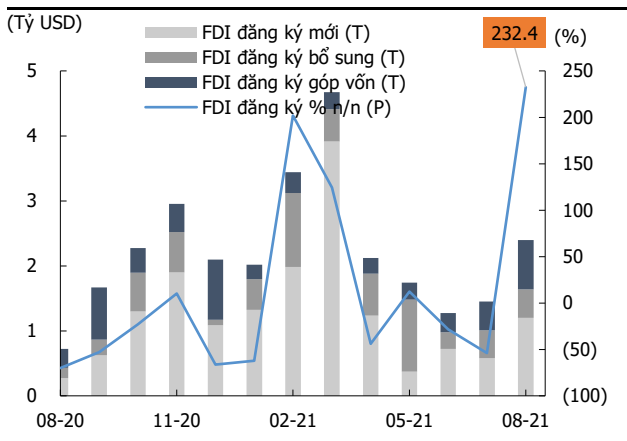
Với tình hình đại dịch hiện tại, khi mà gần 40% tất cả các tỉnh thành cả nước đang áp dụng các biện pháp giãn cách & phong tỏa chặt (tính đến giữa tháng 8), các hoạt động đầu tư trực tiếp trong nền kinh tế gần như bị trì trệ, bao gồm cả việc đăng ký và thực hiện đầu tư FDI. Mặc dù trong tháng ghi nhận sự phục hồi từ FDI đăng ký do 1 số các dự án lớn được ghi nhận, việc giải ngân đầu tư FDI giảm đến mức rất thấp trong vài năm trở lại đây.

Đi vào chi tiết số liệu, lượng FDI đăng ký mới trong tháng có phần hồi phục về mức cao nhất trong 4 tháng trở lại đây, đạt 1.20 tỷ USD và tăng 341.1% so với cùng kỳ (do cùng kỳ năm ngoái FDI đăng ký đạt mức rất thấp). Lượng FDI đăng ký bổ sung cũng tăng nhẹ so với các tháng trước đó, đạt 0.44 tỷ USD và tăng 174.4% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, lượng hoạt động FDI mua cổ phần tăng đến mức cao nhất trong năm, đạt 0.76 tỷ USD và tăng 161.9% n/n. Tổng kết

lượng FDI đăng ký trong tháng 8 ghi nhận 2.40 tỷ USD, là mức cao nhất trong 5 tháng kể từ tháng 3, cũng như tăng 232.4% so với cùng kỳ 2020.

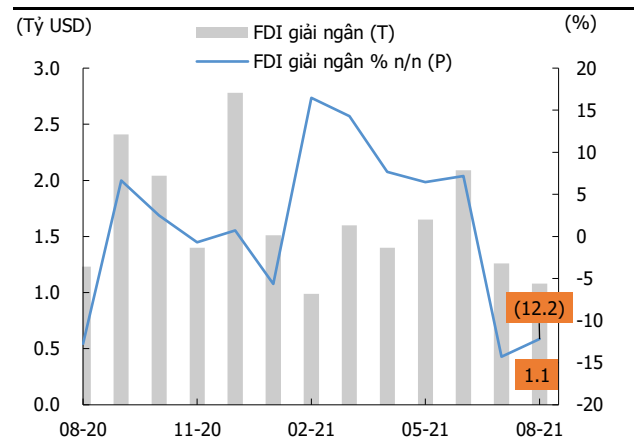
Ở phía ngược lại, việc giải ngân FDI gặp nhiều vấn đề trong 2 tháng trở lại đây, khi mà các địa phương thu hút FDI lớn phía Nam như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, và Long An, đang phải đóng cửa gần như toàn bộ hoạt động kinh tế để đối phó với đại dịch. Số giải ngân trong tháng rơi về mức thấp kỷ lục kể từ 2017 đến nay (loại trừ các tháng nghỉ Tết), chỉ đạt 1.08 tỷ USD và giảm 12.2% so với cùng kỳ.

Hình 45. FDI đăng ký theo tháng



Nguồn: MPI, KIS

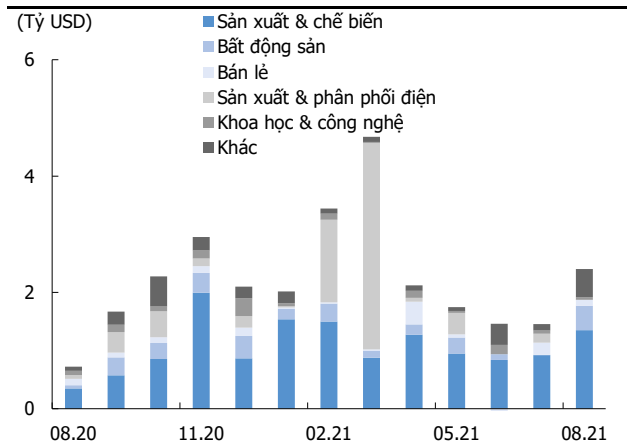
Hình 46. FDI giải ngân theo tháng



Nguồn: MPI, KIS

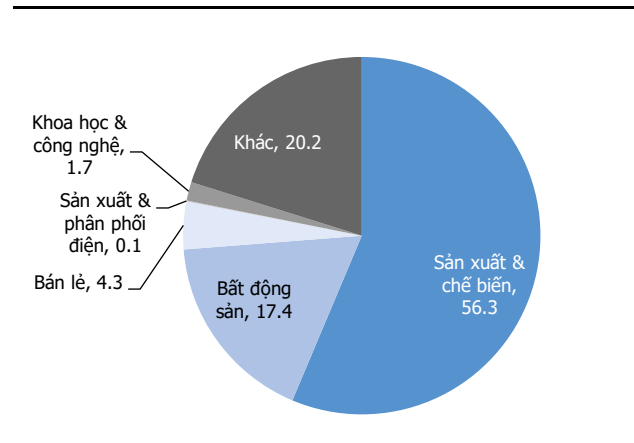
Nhờ vào dự án sản xuất sản phẩm giấy Kraft Vina với tổng đăng ký lên đến 0.61 tỷ USD, lượng vốn FDI đăng ký vào ngành chế biến & sản xuất chạm mức cao nhất trong 6 tháng với 1.35 tỷ USD, chiếm 56.3% tổng vốn FDI đăng ký được ghi nhận. Lượng FDI đăng ký vào lĩnh vực bất động sản cũng tăng 0.42 tỷ USD, mức cao nhất kể từ tháng 6 năm ngoái, chiếm 17.4% tổng vốn FDI đăng ký. Ngành bán lẻ cũng nhận được khoảng 0.1 tỷ USD đăng ký, chiếm 4.3%, mặc dù lĩnh vực này bị ảnh hưởng nặng nhất bởi đại dịch. Ngoài ra, trong tháng cũng ghi nhận khoảng 0.32 tỷ USD vào ngành vận tải và kho bãi, chủ yếu đến từ hoạt động mua cổ phần.

Hình 47. FDI đăng ký theo ngành



Nguồn: MPI, KIS

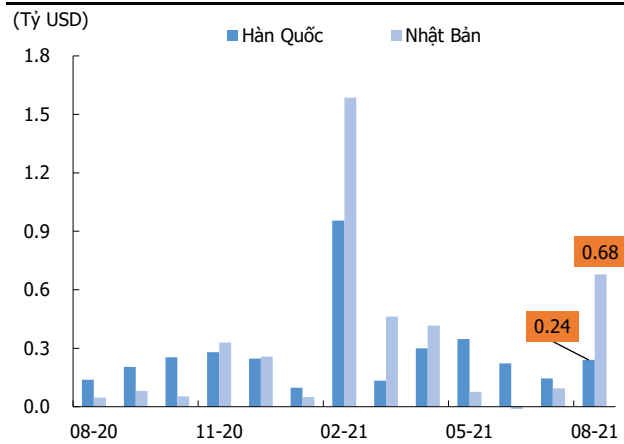
Hình 48. Tỷ trọng FDI đăng ký theo ngành



Nguồn: MPI, KIS

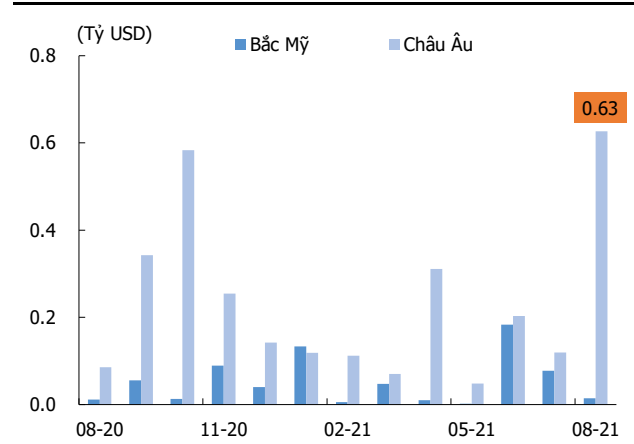
Xét theo các đối tác đầu tư, trong tháng có sự dịch chuyển dòng vốn FDI, khi mà Nhật Bản và Châu Âu là các đối tác đầu tư lớn nhất trong tháng. Cụ thể, Nhật Bản ghi nhận đăng ký đầu tư đến 0.68 tỷ USD và chiếm tổng cộng 38.9% lượng FDI đăng ký. Thêm vào đó, lượng vốn FDI đăng ký từ các đối tác Châu Âu đạt đến 0.63 tỷ USD, chiếm 36.0%, cụ thể là do vốn đăng ký từ các đối tác Hà Lan và Cayman Islands.

Hình 49. FDI từ Hàn Quốc và Nhật Bản



Nguồn: MPI, KIS

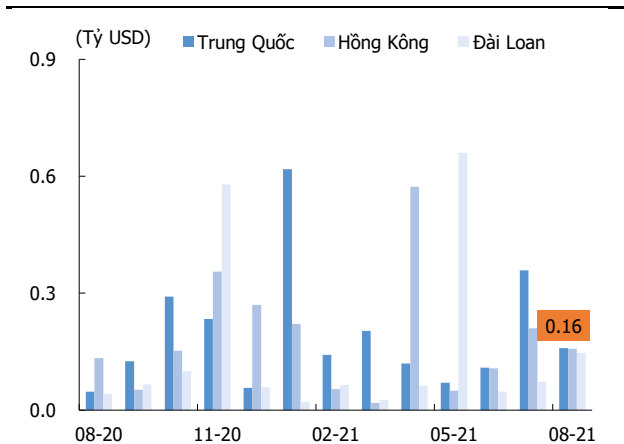
Hình 50. FDI từ Châu Âu và Bắc Mỹ



Nguồn: MPI, KIS

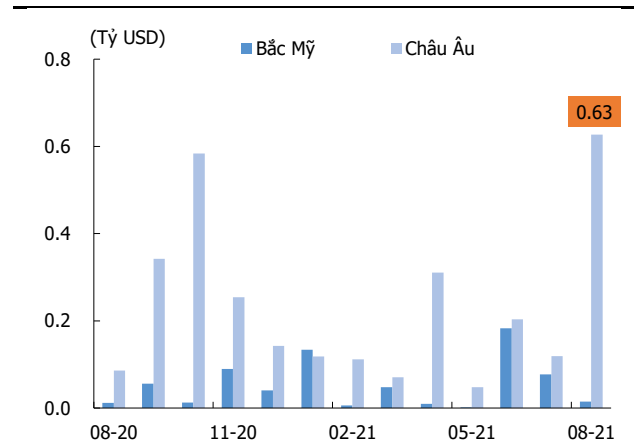
Lượng vốn FDI đăng ký từ Trung Quốc và Hồng Kông chậm lại trong tháng 8, khoảng 0.16 tỷ USD từ từng đối tác, trong khi lượng đầu tư từ Đài Loan cũng xấp xỉ 0.15 tỷ USD. Đối với các đối tác Châu Á, dòng vốn từ Singapore tri tri trong các tháng gần đây sau giai đoạn cao điểm 4Q20 và 1Q21, chỉ đạt 0.29 tỷ USD và chiếm 16.9%, trong khi dòng vốn FDI từ các đối tác Đông Nam Á khác gần như đóng băng.

Hình 51. FDI từ Trung Quốc, Hồng Kông, và Đài Loan



Nguồn: MPI, KIS

Hình 52. FDI từ Đông Nam Á



Nguồn: MPI, KIS

DỰ BÁO:

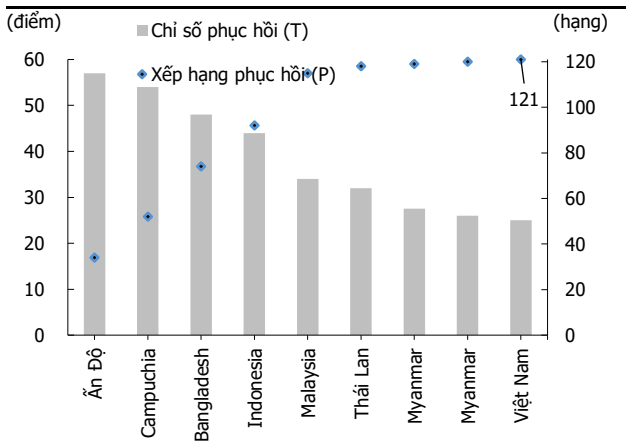
Theo quan điểm của chúng tôi, đại dịch hiện tại đã và đang gây ra rủi ro lớn đối với triển vọng FDI trong tương lai, thứ mà các dữ liệu hiện tại không thể hiện được. Cụ thể hơn, các công ty FDI trong cụ thể các ngành sản xuất & chế biến đang phải đối mặt với nhiều áp lực trong hoạt động sản xuất dưới yêu cầu “3

tại chỗ”. Với những thông tin gần đây, nhà sản xuất xe Toyota, các ông lớn ngành thời trang Adidas & Nike, v.v., là những cái tên mới nhất báo cáo về chuỗi cung ứng toàn cầu của họ bị ảnh hưởng nặng nề với tình hình sản xuất trì trệ tại Việt Nam.

Vào những khoảng thời gian đầu tiên khi đại dịch xuất hiện tại Trung Quốc, khi viễn cảnh chuỗi cung ứng bị gián đoạn hiện hữu, một chuỗi các dịch chuyển sản xuất toàn cầu rời khỏi Trung Quốc đã xảy ra, một trong số các doanh nghiệp đó đã hạ cánh ở Việt Nam. Trong bối cảnh hiện tại, khi mà vị trí trung tâm sản xuất của Việt Nam đang bất ổn dưới con mắt của các nhà đầu tư ngoại, việc này có thể sẽ gây ra ảnh hưởng xấu đến triển vọng FDI trong dài hạn.

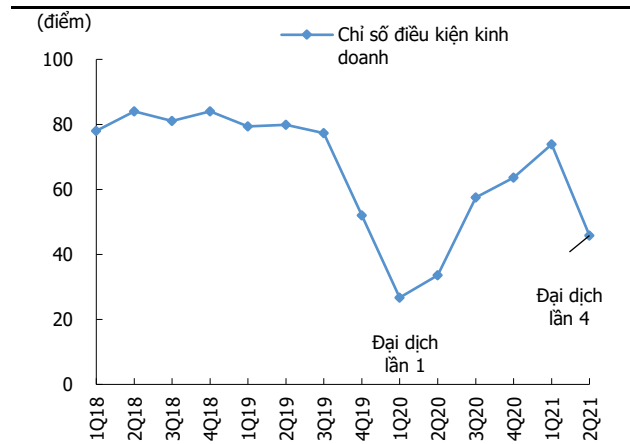
2 hình bên dưới có thể đưa ra một đánh giá định tính về khả năng mà Việt Nam có thể kiểm soát đại dịch cũng như điều kiện kinh doanh ở Việt Nam hiện tại dưới góc nhìn của bên ngoài. Hình đầu tiên đang cho thấy Việt Nam đang đứng cuối trong bảng xếp hạng chỉ số hồi phục trong đại dịch do Nikkei thực hiện, tính trong lần cập nhật cuối tháng 8, thấp hơn rất nhiều so với các khu vực sản xuất công nghiệp khác trong khu vực, như Ấn Độ, Banglades, Indonesia, và Thái Lan, v.v. Trong khi đó, điều kiện kinh doanh tại Việt Nam cũng đang xấu đi trong cuộc khảo sát thường quý của tổ chức Eurocham (Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam), khi các lãnh đạo các tập đoàn hàng đầu Châu Âu đang hoạt động tại Việt Nam đánh giá điều kiện kinh doanh xấu đi rất nhanh tính đến cuối quý 2.

Hình 53. Chỉ số hồi phục COVID-19 từ Nikkei



Nguồn: Nikkei, KIS
Ghi chú: Dữ liệu tại thời điểm ngày 31/08/2021

Hình 54. Khảo sát điều kiện kinh doanh Eurocham



Nguồn: Eurocham Vietnam, KIS

Bảng điểm vĩ mô

(Tỷ USD, USD, %, % n/n)

	03-21	04-21	05-21	06-21	07-21	08-21	3Q20	4Q20	1Q21	2Q21	2017	2018	2019	2020
Tăng GDP thực	4.48			6.61			2.62	4.48	4.65	6.61	6.81	7.08	7.03	2.91
FDI đăng ký	4.67	2.12	1.74	1.28	1.45	2.40	5.54	7.32	10.13	5.14	35.88	35.47	38.02	28.53
GDP bình quân											2,353	2,551	2,730	
Tỷ lệ thất nghiệp											2.21	2.21	2.25	2.48
Xuất khẩu	29.65	26.55	26.19	27.20	27.87	26.20	79.74	80.15	77.34	79.23	215.1	243.5	263.6	282.7
Nhập khẩu	28.46	27.78	28.27	27.66	29.11	27.50	69.02	76.86	75.32	83.50	213.2	236.7	254.4	263.0
Tăng trưởng XK	22.89	51.00	36.52	20.56	12.03	(5.42)	10.61	15.14	21.76	33.50	21.82	13.19	8.16	7.02
Tăng trưởng NK	28.48	49.95	55.52	33.54	31.75	21.06	3.74	16.43	26.17	45.68	21.85	11.01	7.41	3.81
Lạm phát	1.16	1.16	2.90	2.41	2.64	2.82	3.81	3.24	0.30	1.23	3.53	3.54	2.79	3.24
VND/USD	23,076	23,053	23,048	23,020	22,947	22,784	23,184	23,126	23,076	23,020	22,698	23,175	23,173	23,126
Tăng trưởng TD	2.95	4.17	4.95	6.44	6.70	7.36	6.10	10.14	4.95	6.70	18.24	13.89	13.70	10.14
TPCP 10 năm	2.40	2.36	2.27	2.04	2.06	2.07	2.65	2.01	2.40	2.04	5.14	5.07	3.37	2.01

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà TNR,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

PGD Phạm Ngọc Thạch

Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84 28) 7108 1188
Fax: (+84 28) 3820 9229

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 06, Tòa nhà CTM,
299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 3974 4448
Fax : (+84 24) 3974 4501

PGD Bà Triệu

Lầu 06, 74 Bà Triệu, P. Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7106 3555
Fax: (+84 24) 3632 0809

PGD Láng Hạ

P.504A, Lầu 05, Tòa nhà TDL,
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7108 1188
Fax : (+84 24) 3244 4150

Báo cáo này được thực hiện bởi CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này. Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp, những người sẽ tự đưa ra quyết định đầu tư mà không phụ thuộc quá mức vào báo cáo này và công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hậu quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của báo cáo.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.